

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 40/2018/DS-ST

Ngày: 23-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Nương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Ngân.

2. Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh -Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1959 (Có mặt).

Cư trú tại: Số A, đường Hoàng Lê K, khu phố B, Phường C, Thành Phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị X, sinh năm 1965; (Vắng mặt)

Cư trú tại: Số T, tổ X, ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (Có mặt).

Cư trú tại: Tổ X, ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/01/2018 của nguyên đơn bà Phan Thị H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H trình bày:

Ngày 08/8/2017, bà T có mượn của bà số tiền là 33.000.000 đồng, ngày 21/8/2017, bà T mượn thêm 5.000.000 đồng, bà có hỏi bà T mượn tiền làm gì thì bà T nói mượn số tiền này dùm cho bà X. Cả hai lần mượn tiền này bà T trực tiếp nhận. Ngày 20/9/2017 thì bà T kêu bà đến nhà bà X, bà đến gặp bà X hỏi bà X có phải số tiền 33.000.000 đồng và 5.000.000 đồng bà T mượn dùm cho bà phải không thì bà X trả lời là phải. Sau đó, bà X còn mượn bà thêm 4.000.000 đồng, bà X trực tiếp nhận và ký tên. Ngày 23/8/2017 bà T có gọi cho bà 2.000.000 đồng nói với bà là bà X trả cho bà 2.000.000 đồng tiền lãi. Từ đó cho đến nay bà có đến nhà đòi bà X nhiều lần thì bà X nói số tiền trên là bà T mượn chứ bà X không mượn. Khi cho vay thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng.

Nay bà yêu cầu bà X trả cho bà số tiền gốc là 4.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền gốc là 38.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày mượn cho đến khi xét xử xong vụ án theo quy định của pháp luật. Bà đồng ý khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tiền lãi mà bà đã nhận trước.

Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu về lãi suất, bà đồng ý tính tiền lãi của số tiền bà T vay 38.000.000 đồng từ ngày 23/8/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm, theo lãi suất quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị X trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2018:

Lời trình bày của bà Phan Thị H là hoàn toàn không đúng sự thật, bà và bà T ở gần nhau. Ngày 20/9/2017 bà có mượn của bà H 4.000.000 đồng để đưa cho chị T mượn, có ký tên, chữ X là chữ ký của bà, chứ bà không lấy số tiền này để sử dụng. Ngoài ra bà không có mượn của bà H số tiền nào nữa cả. Khi mượn tiền hai bên không có thỏa thuận lãi suất, bà cũng chưa trả cho bà H được số tiền lãi nào. Bà H cho rằng bà đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi, số tiền này bà không biết nhưng bà không có đóng. Trước đây bà H khởi kiện yêu cầu bà trả 42.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật thì bà không đồng ý trả, vì bà không có mượn số tiền này.

Nay ra tòa bà H yêu cầu bà trả số tiền gốc 4.000.000 đồng, không tính lãi bà đồng ý trả cho bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và bà X quan hệ hàng xóm, bà X trình bày ngày 20/9/2017 có vay của bà H 4.000.000 đồng đưa cho bà mượn là đúng. Ngoài ra, bà có mượn của bà H 33.000.000 đồng nhưng bà không nhớ ngày. Khi mượn tiền bà có ký tên T vào giấy nợ, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng một ngày 5.000 đồng tiền lãi. Số tiền này bà mượn để đưa cho chị Nga trả nợ ngân hàng, chứ bà không lấy số tiền

này để sử dụng. Ngoài ra bà không có mượn của bà H số tiền nào nữa cả. Sau khi bà Nga trả nợ Ngân hàng xong đã đưa bà số tiền trên và bà trả cho bà H xong. Bà H cho rằng ngày 21/8/2017 bà có mượn thêm 5.000.000 đồng là không đúng, bà không có mượn số tiền này.

Nay ra tòa bà H yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi từ ngày 23/8/2017 cho đến khi xét xử xong vụ án theo quy định của pháp luật, khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tiền lãi mà bà đã trả trước đó, bà không đồng ý trả cho bà H số tiền 38.000.000 đồng vì bà đã trả rồi.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Châu Thành trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho bà H số tiền gốc 4.000.000 đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền gốc 38.000.000 đồng, ghi nhận bà H đồng ý tính lãi từ ngày 23/8/2017 cho đến ngày xét xử, lãi suất tính theo quy định của pháp luật và đồng ý khấu trừ số tiền lãi 2.000.000 đồng đã nhận trước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt bà X.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H thấy rằng: Bà khởi kiện yêu cầu Bà X, bà T có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay là 42.000.000 đồng tiền gốc và lãi tính từ ngày 08/8/2017, lãi suất là 2%/tháng là 4.600.000 đồng. Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà X có trách nhiệm trả cho bà 4.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà T có trách nhiệm trả cho bà 38.000.000 đồng, tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/8/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã nộp đầy đủ các giấy mượn tiền của bà T, bà X, thể hiện: Ngày 08/08/2017DL bà T ký tên mượn bà H 33.000.000 đồng, ngày 21/8/2017 bà T ký tên mượn 5.000.000 đồng. Ngày 20/9/2017 bà X ký tên mượn

4.000.000 đồng của bà H. Tổng cộng bà T ký tên mượn mượn 02 lần với tổng số tiền 38.000.000 đồng. Bà X mượn 01 lần 4.000.000 đồng, tất cả ghi chung một giấy mượn tiền.

[3]. Căn cứ trên các giấy mượn tiền mà bà H đã cung cấp cho Tòa án. Xét thấy yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận. Bà T đều thừa nhận đã ký vào giấy mượn nợ cho bà H đối với số tiền 33.000.000 đồng, nhưng bà đã trả cho bà H xong. Đối số tiền 5.000.000 đồng mượn ngày 21/8/2017 thì bà không thừa nhận có mượn của bà H. Tuy nhiên qua xem xét giấy nợ gốc thì bà Thừa nhận chữ ký T là do bà ký tên. Bà cho rằng đã trả tiền cho bà H xong nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả nợ xong, do đó lời trình bày của bà T là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Ngoài ra bà T cho rằng đã đóng lãi cho bà H được 2.000.000 đồng, bà H đồng ý khấu trừ vào số tiền mà bà T mượn là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu của bà H yêu cầu bà X trả 4.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bà X đồng ý trả cho bà nên ghi nhận.

[6]. Xét yêu cầu của bà H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm, thấy rằng: Do các bên không thống nhất về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 10%/năm. Đối với khoản vay 38.000.000 đồng tính từ ngày 23/8/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2018 là 12 tháng. Thành tiền là $38.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 12 \text{ tháng} = 3.798.480 \text{ đồng}$, khấu trừ số tiền lãi mà bà đã nhận trước 2.000.000 đồng, bà T phải trả cho bà số tiền lãi là 1.798.480.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 147; Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị T.

- Buộc bà Lê Thị X có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 4.000.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

- Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 38.000.000 đồng, tiền lãi là 1.798.480 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 39.798.480 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Ghi nhận bà H không yêu cầu ông Võ Thanh Tân chồng bà T có nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.165.000 đồng theo biên lai số 0018739 ngày 30/01/2018.

Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.989.924 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi chín ngàn chín trăm hai mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Kim Nương